

1

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2017

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2017 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXX - ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tôn Nữ Thị Thư S, sinh năm 1983(Vắng)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Trần Lê D1, sinh năm 1976 (Vắng)

Địa chỉ: Khu phố B, P. S, TX. P, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Lê D2 và bà Trần Thị H (Vắng).

Địa chỉ: Xóm P, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Tôn Nữ Thị Thư S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D1 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 17/7/2006. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh D1 thường xuyên la mắng chị dẫn đến vợ chồng thường

xuyên cãi nhau, nhiều lần anh D1 còn đánh đập chị, chị và anh D1 đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D1 mà không có nguyên vọng đoàn tụ gia đình với anh D1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị có 02 con chung là Trần Lê Trường H, sinh ngày 05/8/2007, Trần Thị Phương T, sinh ngày 30/8/2011, sau khi ly hôn chị có nguyên vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Phương T, giao con chung là Trần Lê Trường H cho anh D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Lê D1 trình bày: Anh xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị S như chị S trình bày là đúng. Tuy nhiên hiện nay anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị S và vì các con nên anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh và chị S về đoàn tụ gia đình với nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị S có 02 con chung là Trần Lê Trường H, sinh ngày 05/8/2007, Trần Thị Phương T, sinh ngày 30/8/2011, sau khi ly hôn anh có nguyên vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có nợ chung số tiền 140.000.000đồng cụ thể nợ của chị Nguyễn Thị B ở Long Điền 10.000.000đồng, anh N ở Long Hà, Bù Nho 10.000.000đồng, của chị H ở Phú Văn 120.000.000đồng anh yêu cầu chia đôi khoản nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Lê D2 trình bày: Ông là bố đẻ của anh D1, chị S là con dâu của ông, vợ chồng ông nuôi dưỡng cháu H từ năm 2010 cho tới nay, ông bà trực tiếp nuôi dưỡng nhưng mọi chi phí anh D1 gửi tiền về cho ông bà chăm sóc cháu. Hiện nay ông không có ý kiến hay yêu cầu gì về chi phí nuôi dưỡng cháu H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tôn Nữ Thị Thư S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Tôn Nữ Thị Thư S yêu cầu ly hôn với anh Trần Lê D1, nơi cư trú của anh Trần Lê D1 tại khu phố B, P. S, TX. P, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Tôn Nữ Thị Thư S và anh Trần Lê D1 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P (cũ), tỉnh Bình Phước vào ngày 17/7/2006. Căn cứ vào Điều 12, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa anh D1 và chị S là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tôn Nữ Thị Thư S thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh D1 thường xuyên la mắng chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh D1 còn đánh đập chị, chị và anh D1 đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bị đơn anh Trần Lê D1 cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của anh chị như chị S trình bày là đúng, tuy nhiên hiện nay anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị S và vì các con nên anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh và chị S về đoàn tụ gia đình với nhau nhưng sau đó Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh D1 không đến làm việc, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh D1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Tôn Nữ Thị Thư S và anh Trần Lê D1 thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau chị S và anh D1 có 02 con chung, hiện nay chị S đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Trần Thị Phương T, chị S có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, giao cháu H cho anh D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh D1 có nguyện vọng được trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con. Căn cứ vào Biên bản lấy lời khai cháu Trần Lê Trường H ngày 09/6/2017 thì cháu H có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố là anh Trần Lê D1 sau khi anh D1 và chị S ly hôn, chị S đang là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, Tòa án đã triệu tập anh D1 nhiều lần để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con của anh D1 nhưng anh D1 không đến làm việc. Do đó cần xem xét giao con chung là Trần Nguyễn Phương T cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao con chung là Trần Lê Trường H cho anh D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Tôn Nữ Thị Thư S, bị đơn anh Trần Lê D1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về yêu cầu chia nợ chung của anh Trần Lê D1 thấy rằng: Anh Trần Lê D1 yêu cầu chia đôi khoảng nợ chung là 140.000.000đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh D1 không làm đơn yêu cầu phản tố, không cung cấp thông tin địa chỉ cụ thể của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh D1 không đến làm việc. Vì vậy anh D1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Tôn Nữ Thị Thư S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[4]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tôn Nữ Thị Thư S là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tôn Nữ Thị Thu S, chị Tôn Nữ Thị Thu S được ly hôn với anh Trần Lê D1.

[2] Về con chung: Chị Tôn Nữ Thị Thu S có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 30/8/2011 cho đến khi thành niên. Anh Trần Lê D1 có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Lê Trường H, sinh ngày 05/8/2007 cho đến khi thành niên. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

[3] Về án phí: Chị Tôn Nữ Thị Thu S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo Biên lai thu số 0005583 ngày 15/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CCTHADS thị xã Phước Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Danh